

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CÂY LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 1994-1995 Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC

KS. Nguyễn Thị Hồng Minh
Viện Khí tượng-Thủy văn

Vụ đông xuân 1994-1995 các tỉnh Miền Bắc sản xuất lúa trong điều kiện thời tiết ít thuận lợi: nền nhiệt độ không cao, tổng lượng mưa và thời gian nắng trong vụ thấp hơn nhiều so với TBNN và so với vụ đông xuân trước (riêng các tỉnh Bắc Trung Bộ lượng mưa cao hơn TBNN). Đây là vụ đông xuân có điều kiện thời tiết thuận lợi cho bệnh đạo ôn phát sinh và phát triển. Tuy nhiên, nhờ sự chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu thời vụ hợp lý và sự chỉ đạo kịp thời của các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương nhất là ngành nông nghiệp, nên các thời kỳ sinh trưởng mấu chốt của cây lúa đã có những biện pháp ứng phó với những điều kiện bất lợi của thời tiết và sâu bệnh. Nhờ vậy, vụ đông xuân 1994-1995 tuy có khó khăn song vẫn là vụ được mùa lúa. Theo kết quả thống kê của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, năng suất lúa ở hầu hết các tỉnh Miền Bắc đều xấp xỉ vụ đông xuân trước. Riêng tỉnh Lạng Sơn năng suất thấp hơn 11 tạ/ha.

I. VỀ ĐIỀU KIỆN THỜI TIẾT TRONG VỤ ĐÔNG XUÂN 1994 - 1995

1. Không khí lạnh

Cả vụ có 18 đợt không khí lạnh, trong đó có 2 đợt lạnh tràn về vào các ngày 12 và 23 tháng I, nhiệt độ sau 24 giờ giảm từ 9 đến 11°C. Ngoài ra, không khí lạnh được liên tiếp tăng cường trong hai tháng I và II nên trong các tháng này đã xảy ra 5 đợt rét đậm.

2. Tình hình nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng XI, XII và tháng IV cao hơn TBNN chút ít. Các tháng còn lại trong vụ đều thấp hơn TBNN. Tổng tích nhiệt vụ ở các tỉnh đạt từ 4259°C đến 4472°C, thấp hơn vụ đông xuân 1993-1994 từ 14 đến 59°C (Bảng 1). Riêng hai tháng I và II do ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh liên tiếp tràn về nên có tới 31 ngày nhiệt độ trung bình ngày nhỏ hơn 15°C.

Nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối là 0,5°C xảy ra ngày 3/II tại Sa Pa (Lào Cai).

Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối là $41,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra ngày 22/IV tại Cửa Rào (Nghệ An).

3. Tình hình mưa

Đây là vụ đông xuân có lượng mưa thấp. Các tỉnh miền núi, trung du và đồng bằng Bắc Bộ lượng mưa cả vụ từ 266 đến 458mm, thấp hơn lượng mưa TBNN từ 36 đến 196mm và thấp hơn vụ trước từ 46 đến 547mm. Các tỉnh Khu Bốn cũ lượng mưa cao hơn TBNN.

4. Tình hình nắng

Suốt cả vụ ở hầu hết các tỉnh số giờ nắng đều thấp hơn so với TBNN. Tổng số giờ nắng đạt từ 524 đến 715 giờ, thấp hơn TBNN từ 64 đến 211 giờ, thấp hơn vụ đông xuân trước từ 72 đến 146 giờ. Trung bình mỗi ngày có từ 2,1 đến 3,3 giờ nắng.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CÂY LÚA

1. Giai đoạn mạ

Vào đầu vụ (Tháng XI) nhiệt độ không khí TB ở các tỉnh Miền Bắc đều cao hơn TBNN. Số giờ nắng khá, mưa ít nên rất thuận lợi cho việc làm đất, phơi ải. Mạ xuân sớm gieo vào hạ tuần tháng XI, xuân chính vụ gieo tập trung vào trung tuần tháng XII, xuân muộn gieo từ hạ tuần tháng I đến thượng tuần tháng II. Một số tỉnh miền núi gieo muộn hơn. Nhìn chung, các đợt gieo mạ sớm gặp nhiệt độ cao, nắng khá nên mạ phát triển nhanh, đánh dảnh, mạ gieo sau 4 đến 6 ngày đã mọc mầm phổ biến, sau 14 đến 20 ngày mạ đã có 3 lá phổ biến. Từ ngày 12 tháng I do có đợt không khí lạnh tràn về và tiếp sau đó vào giữa tháng II có liên tiếp các đợt không khí lạnh tăng cường làm nhiệt độ hạ thấp và kéo dài, nắng ít. Riêng trong tháng I số ngày rét đậm ($T < 15^{\circ}\text{C}$) và rét hại ($T < 13^{\circ}\text{C}$) có tới 20 ngày. Các đợt mạ gieo sớm đã có 6-7 lá, gặp rét ngừng sinh trưởng nhưng không bị chết và được qua giá. Các trà chính vụ và muộn do gặp nhiệt độ thấp kéo dài nên bị tấp vàng, mạ chết nhiều. Đặc biệt, các trà mạ gieo sau 10/XII tỷ lệ chết cao, có nơi từ 30 - 50%, mầm mạ không phát triển được do mạ vừa gieo xong thì gặp rét đậm. Nhiều tỉnh Miền Bắc phải gieo lại bằng mạ sên, mạ nền để đảm bảo diện tích cấy.

2. Giai đoạn cấy- đẻ nhánh

Ở hầu hết các tỉnh bắt đầu cấy vào hạ tuần tháng I. Đến trung tuần tháng II nhiều tỉnh đã cấy xong. Một số tỉnh miền núi như Lạng Sơn, Tuyên Quang cấy lúa muộn hơn. Trong giai đoạn từ tháng I đến tháng III ở hầu hết các tỉnh nhiệt độ và số giờ nắng đều thấp hơn

TBNN nên lúa sau cấy 10 đến 15 ngày mới bén rễ hồi xanh, chậm hơn cùng kỳ vụ trước 5 đến 7 ngày. Do đợt không khí lạnh tràn về vào cuối tháng I nên có nhiều ngày rét đậm kéo dài đã làm các trà lúa cấy sớm bị chết trung bình từ 20% đến 30%. Đối với những diện tích lúa không bị chết thì sinh trưởng cũng kém do các đợt không khí lạnh bổ sung liên tiếp trong gần suốt tháng II. Trong giai đoạn này do không có sương muối xuất hiện nên các địa phương đã tranh thủ cấy lại và cấy dặm phần diện tích lúa bị chết. Vì vậy, đến đầu tháng III các tỉnh phía Bắc đã kết thúc gieo cấy. Riêng một số tỉnh miền núi Đông Bắc như Cao Bằng, Lạng Sơn đầu tháng III mới bước vào vụ gieo cấy.

Sau các đợt rét đậm, lúa bắt đầu hồi phục và từ giữa tháng III các trà lúa sớm và chính vụ đã bắt đầu đẻ nhánh. Do nền nhiệt độ thấp, thời tiết âm u kéo dài (nắng ít), độ ẩm lại cao nên lúa quang hợp kém, phát triển chậm, tỷ suất đẻ nhánh thấp hơn vụ trước.

Điều kiện thời tiết trong thời kỳ này thuận lợi cho bệnh đạo ôn phát triển mạnh trên các giống lúa nếp, CR 203, DT 10, C71, IR 38 và các giống lúa Trung Quốc. Trên những cánh đồng trũng bị chua phèn của một số tỉnh như Hải Hưng, Thái Bình, Ninh Bình, Nam Hà, Hà Tây đã xuất hiện bệnh vàng lá nghẹt rễ, lúa bị hại cục bộ.

Sang giữa tháng IV lúa vào thời kỳ mọc giống phổ biến, lúa phát triển khá do nền nhiệt độ cao xấp xỉ TBNN. Tuy nhiên, trong điều kiện thời tiết ẩm áp có mưa phùn, độ ẩm cao, trời âm u kéo dài lại là điều kiện để bệnh đạo ôn phát sinh, phát triển. Ở hầu hết các tỉnh ở giai đoạn này bệnh đạo ôn xuất hiện và tăng nhanh trên diện rộng. Theo thống kê của Cục bảo vệ thực vật, ở giai đoạn này diện tích bị nhiễm bệnh đạo ôn tăng gấp hai lần so với cùng kỳ năm trước, những tỉnh bị hại nặng là Nam Hà, Ninh Bình, Thanh Hóa...

3. Thời kỳ phát triển các cơ quan sinh thực

Lúa ở các tỉnh phổ biến trở vào nửa đầu tháng V. Từ mọc dóng đến trở bông kéo dài từ 18 đến 26 ngày, nhiều nơi kéo dài tới 30 ngày. Thời kỳ lúa trở tuy số giờ nắng ít nhưng nhiệt độ đã xấp xỉ TBNN, đôi lúc có mưa rào và dông nên lúa trở thuận lợi. Tuy nhiên, ở thời kỳ này bệnh đạo ôn cổ bông vẫn lây lan. Những nơi phòng trừ kịp thời thì tỷ lệ bệnh trên bông thấp. Những nơi không phun thuốc phòng kịp thời tỷ lệ bệnh trên bông từ 30 đến 50%. Theo số liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, ở các tỉnh từ Nghệ An trở ra, diện tích bị nhiễm bệnh đạo ôn cổ bông là 86.473 ha (tăng gấp 10 lần so với cùng kỳ năm trước), trong đó 2182 ha bị mất trắng. Diện tích bị nhiễm bệnh rầy nâu và rầy lưng trắng là 117132 ha (tăng gấp 6 lần cùng kỳ vụ trước), trong đó 32 ha bị mất

trắng. Ngoài ra, còn có sâu đục thân gây hại nhẹ cục bộ trên trà xuân muộn trễ sau 20/V ở các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng.

Sang cuối tháng V đầu tháng VI lúa bắt đầu chín, điều kiện KTTN thuận lợi cho quá trình làm hạt vào chắc và chín. Nền nhiệt độ dao động từ 27 đến 29°C, số giờ nắng tăng lên rõ rệt. Việc thu hoạch lúa của các tỉnh gặp thuận lợi do ít mưa, tỷ lệ rơi vãi thấp.

4. Tình hình năng suất lúa

Tuy điều kiện khí tượng nông nghiệp trong vụ đông xuân năm 1994-95 không phải hoàn toàn thuận lợi, song nhờ có biện pháp chỉ đạo, chăm sóc, phòng tránh kịp thời nên năng suất lúa ở các tỉnh Miền Bắc đều đạt xấp xỉ vụ đông xuân trước (93-94). Tỉnh có năng suất cao là Thái Bình 65 tạ/ha, bằng 102,49% của năng suất vụ trước. Riêng các tỉnh miền núi như Cao Bằng, Lạng Sơn so với vụ đông xuân trước năng suất thấp hơn khá nhiều. Lạng Sơn năng suất chỉ đạt 74,42% so với vụ trước (bảng 1).

Bảng 1. Năng suất lúa đông xuân 1994-1995
(theo số liệu thống kê của Bộ NN & CNTP)

Số TT	Yếu tố Tỉnh	Năng suất vụ 94-95 (tạ/ha)	Năng suất vụ 93-94 (tạ/ha)	Chênh lệch năng suất so với vụ 93-94 (tạ/ha)	Tỷ lệ so với vụ 1993-1994 (%)
1	Cao Bằng	31,5	37,58	-6,08	83,82
2	Lạng Sơn	32,0	43,0	-11,0	74,42
3	Quảng Ninh	28,0	27,77	+0,23	100,83
4	Bắc Thái	29,5	30,9	-1,4	95,38
5	Sơn La	40,0	44,24	-4,24	90,42
6	Vĩnh Phú	28,0	30,23	-2,23	92,62
7	Hà Bắc	31,0	30,00	+1,00	103,33
8	Hà Nội	34,0	36,85	-2,85	92,27
9	Hải Phòng	41,0	42,70	-1,70	96,02
10	Hải Hưng	50,0	50,15	-0,15	89,73
11	Thái Bình	65,0	63,42	+1,58	102,49
12	Thanh Hóa	37,0	40,65	-3,65	91,02
13	Nghệ An	35,75	34,25	+1,50	104,38

III.KẾT LUẬN

Vụ đông xuân 94-95, Miền Bắc sản xuất lúa trong điều kiện thời tiết ít thuận lợi. Mặt khác lại là vụ lúa mà sâu bệnh đã gây nhiều khó khăn cho các cơ quan chỉ đạo sản xuất và nông dân. Theo số liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, sản lượng lúa của các tỉnh Miền Bắc đạt 4.395.928 tấn. Năng suất trung bình đạt 39,25 tạ/ha (bằng 98,04% năng suất vụ đông xuân năm 1993-94).

Qua vụ đông xuân năm nay có thể khẳng định rằng, dù trong điều kiện thời tiết không có nhiều thuận lợi nhưng có sự chủ động và tích cực chỉ đạo sát sao, có biện pháp ứng phó kịp thời với thời tiết bất lợi vào các giai đoạn phát triển chính của lúa, cùng với sự chuyển đổi cơ cấu thời vụ, cơ cấu giống hợp lý nên đã ổn định được năng suất và sản lượng lúa ở hầu hết các vùng. Mặt khác, cũng cần thấy được vai trò của động lực kinh tế hộ nông dân trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất. Tất cả những cố gắng trên đây đã tạo nên vụ lúa đông xuân năm nay có năng suất khá.

Tài liệu tham khảo

1. Tập san Khí tượng Thủy văn tháng XII/1994 và các tháng I, II, III, IV, V, VI năm 1995.
2. Các báo cáo tiến độ sản xuất của các tỉnh (do Bộ NN và CNTP cung cấp).
3. Các báo cáo tháng (BKNN) của các trạm KTNN.
4. Tổng kết điều kiện KTNN vụ đông xuân 1994-1995 ở đồng bằng Bắc Bộ (bản đánh máy của Viện KTTV 1995).